

Bản án số: **41/2019/HS - ST**
Ngày: 16/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy
Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Lê
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quế Anh –
Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thủy Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 43/2019/TLST- HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Đắc T** (tên gọi khác: **Cu em**), sinh ngày 26 tháng 9 năm 1991 tại Thừa Thiên Huế; Hộ khẩu thường trú: 74/8D Đường A, Phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đắc Đ (đã chết) và bà Hồ Thị Th, sinh năm 1965; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 06/3/2019, “Có mặt”.

2/ Họ và tên: **Trần Tấn T’**, sinh ngày 30 tháng 6 năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 67/16 Đường X, Phường Y, Quận C, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 93/10E Đường A, Phường B, Quận C; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Tấn D, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 06/3/2019, Nguyễn Đắc T đang ngồi chơi trong hẻm số 66 Đường P, phường B, Quận C thì gặp Trần Tấn T’, T’ rủ T đi ăn. Trên đường T’ chở T đi tìm quán ăn thì T’ rủ T mua ma túy sử dụng chung, T đồng ý và kêu T’ chở đến hẻm 148 đường L, Quận N để mua ma túy. T’ điều khiển xe gắn máy hiệu Air Blade mang biển số 59C2-90023 chở

T đến hẻm 148 đường L, Quận N thì T nói T' dừng xe và ngồi đợi, T đi bộ vào trong hẻm 148. T' đồng ý và lấy 150.000 đồng đưa cho T để mua ma túy. T cầm tiền, tiếp tục đi bộ vào trong hẻm 148 thì gặp một nam thanh niên, khoảng 15 tuổi (không rõ lai lịch), T nhờ nam thanh niên này mua giúp T 150.000 đồng ma túy và trả công thêm cho nam thanh niên 50.000 đồng là tiền của T bỏ ra. Nam thanh niên đồng ý, nhận 200.000 đồng từ T và đi bộ vào trong hẻm 148. Khoảng 05 phút sau thì nam thanh niên này quay lại đưa cho T 01 gói nylon chứa tinh thể không màu rồi bỏ đi. T cất giấu gói ma túy vừa mua được vào túi quần phía trước bên phải của T đang mặc rồi đi lại ra hướng đầu hẻm thì gặp T' chạy xe vào đón. Sau đó, T kêu T' chở T' về nhà của T' ở Quận C để sử dụng ma túy chung. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến trước số 148/12/14 đường L, Phường Q, Quận N, T và T' bị Tổ tuần tra Công an Quận 4 kiểm tra, phát hiện và đưa về trụ sở Công an Phường Q, Quận N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số 684/KLGD-H ngày 14/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP.Hồ Chí Minh xác định: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Nguyễn Đắc T, Châu Toàn T1 (người chứng kiến) và hình dấu Công an Phường 10, Quận 4 (ký hiệu mẫu m) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1110g (không phẩy một một không gam), loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 48/CT- VKS ngày 04/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố các bị cáo Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T' về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T' khai nhận do cả hai cùng nghiện ma túy nên ngày 06/3/2019 T' rủ T mua ma túy về sử dụng chung thì T đồng ý, cả hai đã hùn tiền rồi chở nhau sang Quận N mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, trên đường chở nhau về nhà T ở Quận C để sử dụng thì bị Công an kiểm tra, phát hiện và bắt giữ. Các bị cáo có lời khai thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T' về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; bị cáo T' từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Đề nghị phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong ghi vụ số 684 bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định; Tuyên trả lại Trần Tấn T' 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đã qua sử dụng có số imel 1: 356324055799062, số imel 2: 356324055799070 do không liên quan đến vụ án; trả lại Nguyễn Đắc T 01 (một) điện thoại di động hiệu

Iphone màu hồng trắng đã qua sử dụng, có số imel: 355415070798427 do không liên quan đến vụ án và 01 căn cước công dân.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T' không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T' thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của các bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/3/2019, tại trước nhà 148/12/14 đường L, Phường Q, Quận N Tổ tuần tra Công an Quận 4 bắt quả tang Nguyễn Đắc T, Trần Tấn T' có hành vi cất giấu 0,1110g (không phải một một một không gam) ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T' đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với hành vi của các bị cáo Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T' là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đây là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì để có ma túy sử dụng các bị cáo đã xem thường sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Đây là vụ án có đồng phạm và mức độ phạm tội của các bị cáo ngang nhau; về nhân thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng để có tác dụng giáo dục và răn đe đối với các bị cáo cần có mức hình phạt nghiêm để xử phạt. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử quyết định phạt tiền bổ sung đối với mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng để thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) gói niêm phong ghi số vụ 684 là tang vật ma túy thu giữ của Nguyễn Đắc T và Trần Tấn T', còn lại sau giám định. Xét, đây là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đã qua sử dụng có số imel 1: 356324055799062, số imel 2: 356324055799070. Xét, đây tài sản cá nhân của Trần Tấn T' không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng trắng đã qua sử dụng, có số imel: 355415070798427. Xét, đây tài sản cá nhân của Nguyễn Đắc T không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Đắc T. Xét, đây là tài sản cá nhân nên giao trả lại Nguyễn Đắc T.

- 01 xe gắn máy hiệu Air Blade màu đen, biển số 59C2-90023 của ông Trần Tấn D (ba của T') là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 06/3/2019, T' tự ý lấy xe đi mua ma túy, ông D không biết về hành vi phạm tội của T'. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 4 đã ra Quyết định xử lý, trả xe cho ông Trần Tấn D nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí HSST: Mỗi bị cáo phải nộp số tiền là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đắc T (Cu em), Trần Tấn T' phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Đắc T' 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 3 năm 2019.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Trần Tấn T' 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Phạt tiền bị cáo Nguyễn Đắc T 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

+ Phạt tiền bị cáo Trần Tấn T' 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi vụ số 648 bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định.

+ Trả lại Trần Tấn T' 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đã qua sử dụng có số imel 1: 356324055799062, số imel 2: 356324055799070 nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại Nguyễn Đắc T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu hồng trắng đã qua sử dụng, có số imel: 355415070798427 nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại Nguyễn Đắc T 01 (một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Đắc T.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo T' phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (2)
- CA TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (2)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC-81B; (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu: VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy